

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ – ST

Ngày 29 tháng 12 năm 2022.

“ V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Tưởng Thị Tuyết;

2. Bà Vũ Thị Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST – HNGĐ ngày 12/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị N.

Địa chỉ: thôn B, xã Nậm Ch, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phàn A B.

Địa chỉ: thôn B, xã Nậm Ch, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 11/10/2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

Chị và anh Phàn A B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Ch, huyện B, tỉnh Lào Cai vào ngày 7/9/2017 theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chị và anh Bồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Bồng thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến con và gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Bồng không khắc phục được. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng anh Bồng không thay đổi, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, từ khi sống ly thân không quan tâm đến nhau, nay anh Bồng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng mới về nhà. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị có nguyện vọng xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Phàn A B sinh được hai con chung, cháu thứ nhất Phàn Đức M, sinh ngày 14/11/2016 và cháu thứ hai Phàn Đức H, sinh ngày 29/11/2017. Hiện tại cả hai cháu đang sống với chị. Tại đơn khởi kiện chị có nguyện vọng khi ly hôn giao con cho anh nuôi cả hai cháu, nhưng nay anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy ngày 19/12/2022 tại đơn xin xét xử vắng mặt chị đã thay đổi lời khai, chị xin nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Bồng cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình chung sống vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay.

Đối với bị đơn là anh Phàn A B, do anh thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, vì vậy không tổng đạt trực tiếp được, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh Bồng không đến và cũng không nộp tài liệu chứng cứ gì.

Do anh B không đến Tòa án, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được, mặt khác chị Nòi có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vì vậy, vụ án này không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên có quan điểm:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn anh Phàn A B.

Về con chung: Giao cả 2 cháu, Phan Đức M, sinh ngày 14/11/2016 và cháu thứ hai Phan Đức H, sinh ngày 29/11/2017 cho chị Lù Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Phan A B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Lù Thị N phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phan A B có địa chỉ tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Lù Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan A B vắng mặt lần hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lù Thị N và anh Phan A B.

[2] Chị Lù Thị N và anh Phan A B kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Ch, huyện B, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/2017, ngày 07/9/2017 trên cơ sở tự nguyện, như vậy hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và công nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Chị Lù Thị N và anh Phan A B sau khi kết hôn, chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Bồng thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến con và gia đình, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh B không khắc phục được. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, từ khi sống ly thân không quan tâm đến nhau, nay anh Bồng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, thỉnh thoảng mới về nhà. Chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị Nời cư trú cũng xác nhận việc vợ chồng chị Lù Thị N và anh Phan A B có mâu thuẫn như ở trên và hiện tại anh chị sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn của chị Lù Thị N và anh Phan A B là có thật, mâu thuẫn của vợ chồng, do chị Lù Thị N cung cấp phù hợp với nội dung xác nhận của chính quyền địa phương. Nay chị Lù Thị N xin ly hôn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu của chị Lù Thị N, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Lù Thị N được ly hôn anh Phan A B.

[4] Về con: Chị Lù Thị N và anh Phàn A B sinh được hai con chung, cháu thứ nhất tên là Phàn Đức M, sinh ngày 14/11/2016; cháu thứ hai tên là Phàn Đức H, sinh ngày 29/11/2017. Hiện tại cả hai cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh Phàn A B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy anh Phàn A B thường xuyên vắng tại nơi cư trú, thỉnh thoảng mới về, từ khi thụ lý vụ án anh Phàn A B không đến và không có văn bản trả lời, mặt khác cả 2 cháu đều còn nhỏ chưa đủ 7 tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nòi, giao cả 2 cháu cho chị Nòi nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lù Thị N không yêu cầu anh Phàn A B cấp dưỡng tiền nuôi con chung, vì vậy hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lù Thị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Lù Thị N được ly hôn anh Phàn A B.
2. Về con: Chị Lù Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phàn Đức Mạnh, sinh ngày 14/11/2016 và cháu Phàn Đức Hiếu, sinh ngày 29/11/2017 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Lù Thị N không yêu cầu anh Phàn A B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Phàn A B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lù Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002292 ngày 20 tháng 10 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đương sự (2);
- UBND xã N;
- THA DS;
- Lưu TA,VP,HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Duy Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

